

Số: 2468/TM-BVT

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 11: “Dụng cụ hỗ trợ can thiệp tim mạch” thuộc dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim Hà Nội. (Địa chỉ: 92 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội).
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Nhiệm – SĐT: 0388756935.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 7 năm 2023 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hoá chất/vật tư y tế: (Danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá:
 - Cơ sở 1: kho vật tư – Phòng Vật tư thiết bị y tế, tầng 5 nhà E, số 92 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
 - Cơ sở 2: kho vật tư – Phòng Vật tư thiết bị y tế, Đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2023 (tùy theo thời gian Hợp đồng ký kết).
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm Thư mời này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Tim HN;
- Lưu: VT, VTTBYT. (Nhiệm)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sinh Hiền

MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào giá số 2468 /TM-BVT ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tim Hà Nội (Thư mời chào giá số /TM-BVT ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội), chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế và các dịch vụ liên quan:

T T	Tên hoá chất /vật tư y tế	Thông số kỹ thuật/ thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1													
2													
n													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hoá chất/vật tư y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: __ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi ngày..tháng..năm.. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hoá chất/vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 11: DỤNG CỤ HỖ TRỢ CAN THIỆP TIM MẠCH
(Kèm theo Yêu cầu chào giá số 2468/TM-BVT ngày 14/7/2023 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	- Bóng nong động mạch vành áp lực thường chất liệu Semi Crystalline/ Polyamide, công nghệ phủ đan xen kỵ nước và ái nước - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	500	
2	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường chất liệu Ultra-slim/ Polyamide, phủ lớp ái nước - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.016''$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/hộp	Cái	800	
3	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Polyamide, phủ lớp ái nước. - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $< 0.016''$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1460\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	800	
4	Bóng nong động mạch vành áp lực thường	- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax/ Polyamide, phủ ái nước - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	500	
5	Bóng nong động mạch vành áp lực thường có tiết diện vượt tổn thương nhỏ $0.021''$	- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax/ Polyamide, phủ ái nước - Tiết diện vượt tổn thương nhỏ nhất $\leq 0.021''$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	200	
6	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Polyether block amide/ Polyamide - Có loại vai bóng thuận nhón 1 marker thuận lợi trong can thiệp CTO - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.0\text{mm}$, tối đa $\geq 3.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 5\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	200	
7	Bóng nong mạch vành áp lực thường	- Bóng nong mạch vành áp lực thường thân kháng xoắn chất liệu Polyamide - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	200	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao chất liệu Semi Crystalline/ Polyamide, công nghệ phủ đan xen kỵ nước - Áp lực vỡ bóng tối đa $\geq 18\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	1800	
9	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao chất liệu Light/ Polyamide, thiết kế bóng tối đa 5 nếp gấp có lớp phủ ái nước tùy từng đường kính - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.015"$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	1000	
10	Bóng nong áp lực cao dành cho tổn thương phức tạp, áp lực lên tới 20atm	- Bóng nong mạch vành loại áp lực cao chất liệu Polyamide - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $< 0.017"$ - Áp lực gây vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1460\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/hộp	Cái	1200	
11	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao, đa lớp, chất liệu bóng Pebax/ Polyamide - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	1200	
12	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	- Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao lên đến áp lực 35 bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Cái/hộp	Cái	400	
13	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Polyamide - Áp lực vỡ bóng $\geq 23\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	600	
14	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Slope/ Polyamide, phủ ái nước - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	150	
15	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	- Bóng nong động mạch vành chất liệu Comax II, phủ thuốc Paclitaxel bằng kỹ thuật Pacocath với thiết kế gấp 4 cánh - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Chiều dài catheter khả dụng $\geq 145\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật - Có nghiên cứu ngẫu nhiên ≥ 5.000 bệnh nhân	Hộp 1 cái	Cái	200	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	- Bóng nong mạch vành chất liệu nylon/Pebax, phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ TransferTech - Có lớp ái nước trên thân dây của bóng - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$. - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	50	
17	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	- Bóng nong mạch vành chất liệu nylon/Pebax, phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ micropipetting - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ Hộp	Cái	150	
18	Bóng nong mạch vành có gắn lưới dao	- Bóng nong động mạch vành có gắn 3 hoặc 4 lưỡi dao chất liệu thép không gỉ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng $\leq 15\text{mm}$. - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 cái/ hộp	Cái	200	
19	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép	- Bóng nong động mạch vành chất liệu Nylon với hệ thống dây dẫn đính kèm Nitinol trên bề mặt bóng - Có lớp phủ ái nước - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.75\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng $\leq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Cái/hộp	Cái	600	
20	Bóng nong cắt mạch vành chống trượt áp lực cao	- Bóng nong cắt mạch vành chống trượt chất liệu Nylon - Trên bóng có gắn 3 thành tổ nylon - Áp lực vỡ bóng $\geq 24\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng $\leq 13\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	400	
21	Bóng chẹn hỗ trợ rút microcatheter trong can thiệp động mạch vành	- Bóng chẹn hỗ trợ rút microcatheter chất liệu Nylon loại không đàn hồi - Áp lực thường $\leq 8\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Chiều dài bóng $\leq 15\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	50	
22	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên chất liệu Pebax, phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ phủ Transpax - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 8.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 30\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	60	
23	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên chất liệu Nylon và Polyether Block Amide, phủ thuốc Paclitaxel với chất mang thuốc polysorbate, sorbitol - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Hộp/1 cái	Cái	60	
24	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ giải phóng thuốc FreePAC - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	60	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
25	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ micropipeting - Tương thích dây dẫn 0.018" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 120\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Hộp 1 cái	Cái	60	
26	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel chất liệu polyamide với chất mang thuốc Butyryl-Tri-Hexyl Citrate - Tương thích dây dẫn 0.018" - Hai loại chiều dài hệ thống: $\geq 85\text{cm}$ và $\geq 150\text{cm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa đến $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	60	
27	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel chất liệu polyamide với cách thiết kế lớp phủ thuốc kiểu ma trận Butyryl-Tri-Hexyl Citrate - Tương thích dây dẫn: 0.014", 0.018" - Đường kính bóng tối đa $\leq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối đa $\leq 150\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	60	
28	Bóng nong mạch máu ngoại biên	- Bóng nong mạch ngoại biên phủ lớp kép ái nước Ultra - CrossTM - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018", 0.035" - Đường kính bóng từ $\leq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng từ $\leq 250\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 Cái /Hộp	Cái	130	
29	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014"	- Bóng nong mạch ngoại biên có 3 nếp gấp cho mạch chi dưới, có lớp phủ đan xen ái nước - Tương thích dây dẫn 0.014" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 220\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	30	
30	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014"	- Bóng nong động mạch cảnh, động mạch thận chất liệu bóng XCELON phủ lớp kỵ nước - Tương thích dây dẫn 0.014", hệ thống 6F - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 15\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	60	
31	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018"	- Bóng nong mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer với công nghệ phủ đan xen kỵ nước có 5 nếp gấp - Tương thích dây dẫn 0.018", hệ thống 4F,5F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	70	
32	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer, 5 nếp gấp với công nghệ phủ đan xen kỵ nước - Tương thích dây dẫn 0.035" và hệ thống 5F,6F,7F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 250\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ Hộp	Cái	100	
33	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018"	- Bóng nong mạch ngoại biên thiết kế ống thông đồng trục lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.018" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 cái/hộp	Cái	110	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
34	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại biên thiết kế ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 Cái/ Hộp	Cái	60	
35	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014", 0.018"	- Bóng nong mạch ngoại vi chất liệu bóng Pebax phù ái nước - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và hệ thống 4F, 5F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 cái/ hộp	Cái	90	
36	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại vi, chất liệu NyBax phù lớp ái nước. - Tương thích dây dẫn 0.035" và hệ thống 6F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 cái/ hộp	Cái	50	
37	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	- Bóng nong mạch ngoại biên/ cầu nối chất liệu sợi composite - Tương thích với dây dẫn 0.035" - Áp lực thường $\leq 8\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 40\text{atm}$. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 100\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Hộp/1 cái	Cái	40	
38	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	- Bóng nong mạch ngoại biên/ cầu nối chất liệu Nylon/Pebax - Tương thích wire 0.035", hệ thống 6F, 7F, 8F - Áp lực vỡ bóng $\leq 27\text{atm}$ - Có dụng cụ gấp bóng lại - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 100\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	30	
39	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao	- Bóng nong động mạch ngoại biên áp lực cao thiết kế ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035", hệ thống 6F và 7F - Áp lực vỡ bóng $\leq 24\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 100\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 cái/ hộp	Cái	30	
40	Bóng nong van hai lá	- Bóng nong van hai lá chất liệu Polyvinyl Chloride - Đường kính thân bóng $\leq 12\text{F}$ và chiều dài thân bóng $\geq 70\text{cm}$. - Chiều dài bóng $\leq 2.5\text{cm}$ - Bóng có đường kính trong khoảng từ 20-30mm - Có chứng nhận FDA và CE	1 bộ/ hộp	Bộ	50	
41	Catheter chụp động mạch vành hai bên phải trái đường động mạch quay	- Catheter chụp động mạch vành 2 bên chất liệu Polyamide, lõi bên bằng thép không gỉ - Đường kính $\leq 5\text{F}$ - Chiều dài $\leq 120\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/hộp	Cái	4000	
42	Catheter chụp động mạch vành các loại	- Catheter chụp mạch vành chất liệu có cản quang, phủ Nylon bền - Có các loại đầu cong: JL, JR, AL, IM, PIG, MP... - Đường kính ngoài $\leq 5\text{F}$ - Chiều dài tối đa 125cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA và CE	5 cái/ Hộp 10 cái/ Hộp	Cái	1500	
43	Catheter chụp động mạch vành	- Catheter chụp động mạch vành, cấu trúc 3 lớp, đan kép bằng thép không gỉ, chất liệu thành ống Nylon Polyurethan - Đường kính $\leq 5\text{F}$ - Chiều dài tối đa 110cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/hộp	Cái	1000	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	Catheter chụp động mạch vành	- Catheter chụp động mạch vành chất liệu sợi bền bằng thép không gỉ và Polyamid, phủ cân quang bằng vàng ở đầu ống thông - Đường kính $\leq 5F$ - Chiều dài $\leq 100cm$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$	5 cái/hộp	Cái	1000	
45	Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi	- Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi với cấu trúc 3 lớp ngoài polyurethan, lớp giữa bên SUS, lớp trong giàu nylon có đoạn xa phủ ái nước Hydrophilic - Đường kính $\leq 5F$ - Chiều dài $\leq 100cm$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	250	
46	Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi loại lòng rộng	- Catheter chụp mạch não, ngoại vi lòng rộng với cấu trúc lớp trong và lớp ngoài Nylon rich polyurethan, lớp giữa đan kép bằng thép không gỉ có đoạn xa phủ ái nước - Đường kính $\leq 5F$ - Chiều dài $\leq 100cm$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	250	
47	Catheter chụp mạch não và mạch ngoại vi loại 4F/5F	- Catheter chụp mạch não, ngoại vi chất liệu Polyurethane - Đường kính trong 0.040" loại 4F, 0.046" loại 5F - Chiều dài $\leq 125cm$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA và CE	5 Cái/hộp	Cái	100	
48	Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành	- Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành chất liệu marker Metallic resin có phủ ái nước - Tương thích ống thông can thiệp 6F - Đường kính trong tối thiểu $\leq 1.35mm$, tối đa $\geq 1.40mm$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	150	
49	Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành	- Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành chất liệu TruFlex có phủ lớp ái nước - Tương thích ống thông can thiệp 6F, 7F - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	200	
50	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận	- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận, thiết kế bằng kỹ thuật đan lưới lòng ống(Full wall) giúp kháng xoắn và kháng bẹp khi can thiệp - Có tối thiểu các loại đầu cong: * EBU,JL,JR,AL,SAL,MB dài $\leq 100cm$ * IM dài tối thiểu $\leq 55cm$ - Đường kính $\leq 8F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 Cái/ hộp	Cái	4000	
51	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành	- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành chất liệu Polyamide, nhựa HDPE, PEBA kết hợp cùng thép không gỉ - Có tối thiểu các loại đầu cong: EBU,JL,JR,AL,MPA,TIG dài $\leq 100cm$ - Đường kính $\leq 7F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	1000	
52	Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên	- Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên chất liệu thép không gỉ cường lực, phủ polymer có van cầm máu và stopcock 3 cửa - Có loại thẳng và đối bên crossover - Thiết kế chống gập gấp lòng ống - Đường kính $\leq 8F$ - Chiều dài tối thiểu $\geq 45cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 Cái/ Hộp	Cái	150	
53	Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên	- Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên chất liệu PTFE, cuộn thép không gỉ và nylon - Điểm đánh dấu bằng vàng - Chiều dài $\leq 90cm$ - Đường kính trong $\leq 8F$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/hộp	Cái	100	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
54	Vi ống thông dạng thẳng	- Catheter siêu nhỏ dạng thẳng trong hỗ trợ can thiệp động mạch vành tráng chất ái nước với đầu catheter có lớp cuộn bằng vàng - Đường kính ngoài $\leq 1.8F$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/hộp	Cái	150	
55	Vi ống thông dạng thẳng	- Catheter siêu nhỏ dạng thẳng trong hỗ trợ can thiệp động mạch vành chất liệu hợp chất Nylon 12 và Polytetrafluoroethylene - Đường kính ngoài $\leq 1.8F$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/hộp	Cái	50	
56	Vi ống thông có 2 nòng	- Catheter siêu nhỏ có 2 nòng - Bên trong ống luồn dây dẫn phủ Silicone oil - Đường kính đầu tip tối thiểu $\leq 0.45mm$, chiều dài $\leq 1400mm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/hộp	Cái	20	
57	Vi ống thông dùng cho tổn thương tắc mãn tính dạng xoắn	- Catheter siêu nhỏ dùng cho tổn thương tắc mãn tính dạng xoắn - Thân cấu trúc dạng bện - Chiều dài $\leq 150cm$ - Đường kính ngoài phần thân xa $\leq 2.6F$ - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.8F$	Cái/hộp	Cái	30	
58	Vi ống thông đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mạn tính	- Catheter siêu nhỏ cấu trúc dạng bện, lớp phủ Hydrophilic - Chiều dài $\leq 150cm$ - Đường kính ngoài phần thân xa $\leq 1.9F$ - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.6F$	1 cái/hộp	Cái	30	
59	Vi ống thông có marker	- Vi ống thông siêu nhỏ có marker. - Đường kính ngoài đầu xa $\leq 2.6F$ - Đường kính ngoài đầu gần $\leq 2.95F$ - Chiều dài $\leq 160cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	10	
60	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch	- Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch, có 3 loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, đầu cong cổ thiên nga - Đường kính ngoài $\leq 2.9F$ - Dây dẫn tương thích tối đa $\leq 0.021"$ - Có chứng nhận FDA và CE	Hộp/ 1 cái	Cái	30	
61	Vi ống thông can thiệp ngoại vi	- Vi ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên - Chiều dài tối thiểu $\leq 65m$, tối đa $\geq 150cm$ - Có 2 loại đầu thẳng và cong - Đầu xa catheter phủ lớp ái nước - Có chứng nhận FDA hoặc CE	05 cái/ hộp	Cái	150	
62	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	- Ống thông hỗ trợ trong can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước, trơn mượt dễ đi qua tổn thương - Chiều dài tối thiểu $\leq 65cm$, tối đa $\geq 150cm$ - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.038"$ - Đầu xa catheter có điểm đánh dấu cân quang, thân catheter đánh dấu đoạn đen trắng - Có chứng nhận FDA và CE	Hộp/ 5 cái	Cái	150	
63	Vi ống thông can thiệp mạch	- Đường kính trong $\leq 0.013"$, đường kính ngoài $\leq 2.7F$, đầu gần dạng coil bằng thép không gỉ - Chiều dài $\geq 165cm$ - Tương thích dây dẫn 0.01" - Chiều dài đầu xa $\leq 25cm$	1 cái/ hộp	Cái	5	
64	Vi ống thông can thiệp mạch	- Đường kính trong $\leq 0.013"$, đường kính ngoài $\leq 2.7F$, đầu gần dạng coil bằng thép không gỉ - Chiều dài $\geq 165cm$ - Tương thích dây dẫn 0.01" - Chiều dài đầu tip $\leq 1.5cm$ hoặc $\leq 3cm$	1 cái/ hộp	Cái	5	
65	Dây dẫn đường cho catheter	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol siêu đàn hồi, phủ lớp ái nước - Đường kính $\leq 0.038"$ - Chiều dài tối đa $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	3000	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
66	Dây dẫn đường cho catheter dài 260cm	- Dây dẫn đường cho catheter phủ ngoài bằng lớp ái nước - Đường kính tối đa $\leq 0.038"$ - Độ dài dây dẫn $\geq 260\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	700	
67	Dây dẫn đường cho catheter	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol, phủ ái nước - Cán quang bằng lớp phủ mạ vàng ở phần đầu dây dẫn - Chiều dài từ $\leq 260\text{cm}$ - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$	5 Cái/ Hộp	Cái	2000	
68	Dây dẫn đường cho catheter	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol, phủ ái nước - Độ cứng đầu tip $\geq 6,3\text{gf}$ - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$	1 cái/ gói	Cái	1000	
69	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành chất liệu nhiều đoạn khác nhau, loại mềm, linh hoạt, phủ lớp ái nước, hợp kim Platinum, NiTi - Đường kính $\leq 0.014"$, dài $\leq 180\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 Cái/hộp	Cái	3000	
70	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành, công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: silicone, hydrophilic - Chiều dài tối đa 190cm - Độ cán quang đầu tip dài $\leq 3\text{cm}$ - Chiều dài lò xo tối thiểu $\leq 8.5\text{cm}$, tối đa $\geq 28\text{cm}$	5 cái/hộp	Cái	3000	
71	Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính hoàn toàn	- Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính hoàn toàn, chất liệu nhiều loại lớp phủ khác nhau gồm: hydrophilic, polymer... - Đường kính $\leq 0.014"$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 180\text{cm}$, tối đa $\geq 330\text{cm}$	5 cái/hộp	Cái	500	
72	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên chất liệu hợp kim thép không gỉ, phủ ái nước ICE Hydrophilic - Đường kính $\leq 0.018"$ - Có chứng nhận FDA và CE	Hộp 1 cái	Cái	300	
73	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên chất liệu hợp kim Nitinol và thép không gỉ, bọc polymer với lớp phủ ái nước - Đường kính $\leq 0.018"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/ hộp	Cái	200	
74	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên dưới khớp gối	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên chất liệu hợp kim Nitinol và thép không gỉ - Đường kính $\leq 0.014"$ - Có chứng nhận FDA và CE	5 cái/ hộp	Cái	150	
75	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên	- Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên - Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: hydrophilic, polymer... - Chiều dài $\leq 320\text{cm}$ - Khả năng tái đầu tip tối thiểu $\leq 1.0\text{gr}$, tối đa $\geq 40\text{gr}$ - Đường kính: $0.014"$, $0.018"$	Cái/gói	Cái	100	
76	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên	- Dây dẫn cho can thiệp ngoại biên - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 180\text{cm}$, tối đa $\geq 300\text{cm}$ - Chiều dài đầu tip cán quang tối đa 5cm - Đầu đoạn xa thẳng hoặc uốn sẵn - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	100	
77	Dây dẫn đường can thiệp nút mạch	- Dây dẫn đường can thiệp nút mạch phủ ái nước ICE, lõi Scitanium, đầu tungsteng - Đường kính: $0.014"$, $0.018"$ - Chiều dài: $\leq 190\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	60	
78	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	- Dây dẫn can thiệp chất liệu thép không gỉ, đầu mềm cuộn lò xo platinum - Đường kính trong $\leq 0.008"$, chiều dài $\geq 200\text{cm}$	1 cái/ hộp	Cái	10	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
79	Bộ dụng cụ điều trị huyết khối - tiêu huyết khối phổi	- Bộ dụng cụ điều trị nội mạch sử dụng công nghệ siêu âm kết hợp thuốc tiêu sợi huyết - Vùng điều trị: 6, 12, 18, 24, 30, 40, 50 cm. + Đường kính: $\leq 5.4 F$ + Phù hợp với dây dẫn: $0.035''$ + Chiều dài tối thiểu ≤ 106 cm + Đường kính: $\leq 2.7F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp 1 bộ	Bộ	10	
80	Catheter tiêu huyết khối có lỗ xoắn bên kèm van cầm máu	- Ống thông có lỗ xoắn bên ở đầu dùng để bơm thuốc tiêu sợi huyết mạch ngoại vi kèm van cầm máu, xylanh/súng truyền dịch. - Catheter 4F, 5F có chiều dài ≤ 135 cm - Tương thích dây dẫn $0.035''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp/1 cái	Cái	10	
81	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	- Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành tương thích catheter kích thước 6F, phù hợp với ống dẫn, công nghệ đan lưới lồng ống - Đường kính lòng hút $\geq 0.043''$ - Chiều dài ≤ 150 cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 Bộ/ hộp	Bộ	120	
82	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	- Bộ dụng cụ hút huyết khối trong lòng động mạch vành có lõi dây dẫn bao gồm: - Catheter các cỡ 6F và 7F, độ dài catheter 1400mm ($\pm 5\%$), độ dài ống dây dẫn 120mm ($\pm 5\%$) bao gồm: 1 ống nối dài, 1 que nong, 2 xy lanh 30ml, 1 kim phun, 1 vòi khóa, 2 bộ lọc tế bào - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 bộ/hộp	Bộ	150	
83	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành	- Bộ dụng cụ hút huyết khối mạch vành kèm theo: syringe, khay chứa, lọc, tubing và stopcock - Đường viên bên thép không gỉ - Đường kính guiding catheter tương thích $\geq 0.066''$ - Chiều dài catheter tối đa ≤ 145 cm - Dây dẫn tương thích: $0.014''$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 Cái/ hộp	Cái	80	
84	Bình chứa gắn với bơm hút huyết khối	- Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	20	
85	Dây nối với máy bơm hút huyết khối	- Sử dụng tương thích với tất cả ống thông hút huyết khối - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	20	
86	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại nhỏ	- Chiều dài ≥ 135 cm, đường kính $\leq 6F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 hộp 1 cái	Cái	20	
87	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại lớn	- Chiều dài tối thiểu ≥ 85 cm, đường kính $\leq 7F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	20	
88	Vi dây dẫn gắn đầu chọc tách huyết khối các loại	- Vi dây dẫn gắn đầu chọc tách huyết khối các loại, công nghệ SeparatorTM - Đường kính $\leq 0.068''$, chiều dài ≥ 150 cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	20	
89	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời	- Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời chất liệu Nitinol Hypotube cắt bằng Laser, xử lý bề mặt bằng Electropolish. - Đường kính ≥ 30 mm - Sử dụng dây dẫn $\leq 0.035''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	5	
90	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời	- Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời chất liệu Phynox - Thiết kế hình nón để phù hợp với kích cỡ mạch máu cần lọc - Có chứng nhận FDA hoặc CE	01 bộ/ hộp	Bộ	5	
91	Bộ dụng cụ thu hồi dụng cụ lọc huyết khối đặt tạm thời tĩnh mạch	- Bộ dụng cụ bao gồm: + Dụng cụ mở đường 13F + Ống thu lưới lọc + Dây dẫn đường dài tối thiểu ≤ 150 cm, đường kính $\leq 0.035''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	01 bộ/ hộp	Bộ	10	
92	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu thần kinh	- Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh cỡ 6F có lòng rộng đường kính tối thiểu $0.070''$ - Chiều dài tối thiểu ≤ 80 cm, tối đa ≥ 105 cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái / 1 hộp	Cái	250	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
93	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu thần kinh	- Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh phủ hydrophilic 5-15cm từ đầu tip - Chiều dài tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 110\text{cm}$ - Dạng đầu tip: Cong, thẳng - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	50	
94	Ống thông hỗ trợ hút huyết khối mạch não	- Ống thông hút huyết khối - Lòng rộng có đường kính trong tối đa $\geq 0.071"$, đường kính ngoài tối đa $\geq 0.0855"$ - Chiều dài $\geq 132\text{cm}$. - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/ hộp	Cái	25	
95	Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ 0.062"	- Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ 0.062" đến 0.072" - Chiều dài tối đa $\geq 132\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ 1 hộp	Cái	25	
96	Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ 0.035"	- Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ 0.035" - Chiều dài $\geq 153\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ 1 hộp	Cái	50	
97	Bộ cắt màng xơ vữa	- Dụng cụ bào gọt màng xơ vữa có định hướng - Tương thích dây dẫn tối đa 0.014" - Tương thích dụng cụ mở đường 6F, 7F - Thiết kế dao 4 lưỡi cắt, thiết kế trục 4 lớp	1 cái/ hộp	Cái	10	
98	Bộ điều khiển dao cắt	- Tương thích hệ thống bộ cắt màng xơ vữa	1 cái/ hộp	Cái	10	
99	Dụng cụ lấy dị vật dùng trong can thiệp mạch não	- Dụng cụ lấy dị vật chất liệu nitinol nhớ hình - Đường kính tối thiểu $\leq 2\text{mm}$, tối đa $\geq 7\text{mm}$ - Chiều dài catheter tối thiểu $\leq 150\text{cm}$ - Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium - Có chứng nhận FDA hoặc CE	01 cái/hộp	Cái	10	
100	Xốp cầm máu không tiêu (Quay)	- Chitosan 100%, cỡ 3,5cm x 3,5cm	1 miếng/ gói	Miếng	9000	
101	Vật liệu nút mạch hình cầu	- Vật liệu nút mạch hình cầu pha sẵn dung tích hạt 2ml chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Kích cỡ hạt $\leq 1200\mu\text{m}$ - Có chứng nhận FDA và CE	Hộp/5 lọ; Hộp/1 lọ	Lọ	30	
102	Keo histoacryl	- Keo dán mô N-buty-2-cyano acylat - Dung tích 0.5 ml	10 tuýp/ hộp	Tuýp	120	
103	Chất tắc mạch dạng lỏng 1.5ml	- Làm từ hợp chất Ethylene vinyl alcohol, bao gồm: + 1 lọ chất tắc mạch dung tích 1.5 ml + 1 lọ dung môi 1.5 ml + 2 xy-lanh bơm chất tắc mạch loại 1ml, 1 xy-lanh bơm dung môi loại 1 ml	1 lọ/ hộp	Lọ	10	
104	Dụng cụ đóng mạch máu	- Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa Polypropylene. - Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới $\leq 21\text{F}$ đối với động mạch và $\leq 24\text{F}$ đối với tĩnh mạch - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp/1 cái	Cái	300	
105	Dụng cụ đóng mạch máu	- Dụng cụ đóng lòng mạch sau can thiệp cơ chế kẹp, loại có nút collagen - Đường kính dụng cụ mở đường khả dụng $\leq 8\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/hộp	Cái	400	
106	Ống thông hủy thần kinh giao cảm động mạch thận đa điện cực	- Ống thông hủy thần kinh giao cảm động mạch thận dạng tự bung - Đường kính tối thiểu $\leq 3\text{mm}$, tối đa $\geq 8\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn đường 0.014" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	5	
107	Dây dẫn can thiệp mạch máu não	- Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Đường kính tối thiểu $\leq 0.008"$, tối đa $\geq 0.014"$, chiều dài tối đa 300cm - Lớp phủ ái nước dài tối đa 180cm - Lớp phủ polymer dài $\leq 150\text{cm}$ - Độ hiển thị đầu tip dài tối đa 9cm - Các dạng đầu tip: thẳng, cong, cong 90 độ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Cái/gói	Cái	200	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
108	Dây dẫn có thể xuyên qua huyết khối	- Dây dẫn đường kính 0.014", dài khoảng 200cm ($\pm 5\%$), đầu mềm cân tia X dài 5cm ($\pm 5\%$) có thể xuyên qua huyết khối - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	100	
109	Dù bảo vệ chống tắc mạch ngoại vi	- Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch cảnh chất liệu lưới lọc Nitinol - Đường kính dù tối thiểu $\leq 3\text{mm}$, tối đa $\geq 7\text{mm}$ - Chiều dài dây đẩy tối thiểu $\leq 190\text{cm}$, tối đa $\geq 320\text{cm}$ - Miệng lưới lọc bằng vàng - Tương thích dây dẫn $\leq 0.018"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	01 cái/hộp	Cái	100	
110	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh	- Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh cơ chế lái dây dẫn bên trong - Đường kính dù tối thiểu $\leq 5.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.2\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.014"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	01 cái/ hộp	Cái	70	
111	Vi ống thông thả stent thường	- Vi ống thông thả stent thường lấy huyết khối - Đường kính ngoài tối thiểu $\leq 2.4\text{F}$, tối đa $\geq 2.7\text{F}$ - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/ hộp	Cái	10	
112	Bóng tắc mạch chẹn cổ túi phình mạch thẳng	- Bóng liên ống dẫn và kèm dây dẫn cỡ 0.010" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3\text{mm}$, tối đa $\geq 5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/ hộp	Cái	20	
113	Ống thông can thiệp mạch thần kinh	- Ống thông can thiệp mạch thần kinh - Đường kính trong $\leq 0.027"$ - Các dạng đầu tip: thẳng, chữ J, cong 45 độ, 90 độ... - Tương thích dây dẫn tối đa $\leq 0.025"$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/ hộp	Cái	30	
114	Bóng nong mạch não loại 2 nòng	- Ống thông 2 nòng có gắn bóng nong - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng nong $\leq 8\text{mm}$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\leq 14\text{ atm}$. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	15	
115	Bộ phận kết nối	- Bộ phụ kiện kết nối chất liệu Polycarbonate, Polyoxymethylene - Chịu được áp lực lên tới khoảng 70 bar - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp 50 cái	Cái	7000	
116	Bộ phận kết nối	- Bộ phận kết nối chất liệu Poly carbonate - Đường kính trong 0.093" - Chịu áp lực tối đa 500PSI - Có chứng nhận FDA và CE	25 cái/ hộp	Cái	1000	
117	Bộ phận kết nối kèm bơm tiêm, dây truyền dịch	- Bộ phận kết nối chất liệu Poly Carbonate kèm theo: Bơm tiêm đầu xoay, dây truyền dịch, dây đo áp lực... - Chịu áp lực tối đa 500PSI - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ túi	Cái	1000	
118	Kim chọc mạch đùi	- Kim chọc động mạch đùi - Chất liệu thép không gỉ - Kích cỡ tối thiểu 18G - Tương thích dây dẫn 0.035" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp 50 cái	Cái	5000	
119	Kim chọc mạch đùi	- Kim chọc mạch quay, đùi - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G - Có chứng nhận FDA và CE	25 cái/hộp	Cái	1000	
120	Bộ kim chọc mạch máu siêu nhỏ	- Bộ kim chọc mạch máu siêu nhỏ gồm: + 01 kim kích cỡ khoảng 21G, dài 4 đến 7cm. + 01 sheath có kích cỡ 4F, 5F, dài $\leq 10\text{cm}$. + 01 dây dẫn đường kính khoảng 0.018", dài $\leq 40\text{cm}$ làm từ thép không gỉ hoặc nitinol mềm dẻo.	1 bộ/ túi	Bộ	20	
121	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Dụng cụ mở đường vào động mạch quay 4F, 5F, 6F chất liệu ETFE kèm: + Dây dẫn ngắn làm bằng nhựa, đường kính dây dẫn 0.025" + Kim chọc mạch 18G	5 bộ/hộp	Bộ	4000	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
122	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Dụng cụ mở đường động mạch quay các cỡ 4F, 5F, 6F chất liệu polythylene và Polypropylene kèm: + Dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc nitinol, đường kính tối thiểu 0.018"; dài tối thiểu 40cm + Kim chọc mạch 20G, 21G dài 4cm, 7cm. - Có chứng nhận FDA và CE	5 cái/ Hộp	cái	3000	
123	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Dụng cụ mở đường động mạch quay ái nước cỡ 5F, 6F - Tương thích dây dẫn 0.021", 0.025" chất liệu thép không gỉ phù ái nước - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	cái	2000	
124	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu có van cầm máu chất liệu FEP, thành mỏng kèm kim chọc mạch - Dilator chất liệu PE dài ≥ 16 cm - Đường kính tối đa ≤ 7 F, chiều dài ≤ 11 cm - Tương thích dây dẫn chất liệu thép không gỉ với hai dạng đầu chữ J và đầu thẳng, đường kính 0.035" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Gói/ 01 bộ	Bộ	2500	
125	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu có van cầm máu, chất liệu polythylene và Polypropylene - Đường kính tối đa ≤ 8 F, chiều dài ≤ 11 cm - Tương thích dây dẫn 0.038" hoặc 0.035", chiều dài khoảng 50cm, đầu hình chữ J - Có chứng nhận FDA và CE	5 cái/ Hộp	Cái	1500	
126	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	- Dụng cụ mở đường vào mạch đùi có van cầm máu kèm: + Dây dẫn làm bằng nhựa, đường kính dây dẫn 0.035", dài khoảng 45cm + Kim chọc mạch - Đường kính ≤ 8 F - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5 cái/hộp	Cái	300	
127	Bơm tiêm thuốc cân quang	- Bơm tiêm thuốc cân quang chất liệu Polycarbonate - Dung tích tối đa 30ml - Đầu luer cố định, không chứa latex	1 cái/ túi	Cái	6000	
128	Bơm tiêm thuốc cân quang	- Bơm tiêm 1ml, 3ml, 10ml, chất liệu Polycarbonate - Bơm tiêm có đầu luer lock - Có 7 màu sắc khác nhau - Có chứng nhận FDA và CE	25 cái/ Hộp	Cái	3000	
129	Bơm áp lực cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu, khóa chặt 3, torque device - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm - Có chứng nhận FDA và CE	5 Cái/ Hộp	Cái	1000	
130	Bơm áp lực cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu có dây nối dài khoảng 25cm hoặc 50cm, khóa chặt 3, torque device - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm - Thể tích xy lanh ≥ 30 ml - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 bộ/ hộp	Bộ	1500	
131	Bơm áp lực cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu dạng kết hợp vận và bấm, khóa chặt 3 xoay 360 độ, dây nối, torque device - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm - Thể tích xy lanh ≥ 25 ml - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Bộ	1000	
132	Bơm áp lực cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa ≥ 40 atm - Chất liệu Polycarbonate, polymer - Thể tích khoảng ≤ 25 ml - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 Cái/ hộp	Cái	1000	
133	Bơm áp lực cao	Bơm áp lực cao kèm theo: Van Y dạng bấm, torque - Áp lực bơm tối đa ≥ 40 atm - Thể tích xy lanh ≥ 30 ml - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp/5cái	Cái	500	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
134	Dây bơm thuốc áp lực cao	- Dây bơm thuốc áp lực cao 1200 Psi vật liệu làm bằng PUR (Polyurethane) - Có đầu khóa - Chiều dài tối đa $\leq 120\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp 25 cái	Cái	300	
135	Dây bơm thuốc áp lực cao	- Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao đến 1200 psi, chất liệu PVC, Nylon/ Polyurethane - Chiều dài $\leq 180\text{ cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	25 cái/ Hộp	Cái	100	
136	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch	- Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 60Mhz dùng cho máy siêu âm lòng mạch bao gồm: đầu dò và hệ thống kéo liên tục - Phủ lớp ái nước Bio-Slide - Kích thước catheter tối đa $\leq 5\text{F}$ - Có chứng nhận FDA và CE	1 cái/ hộp	Cái	300	
137	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch	- Đầu dò siêu âm trong lòng mạch kỹ thuật số, tần số 20Mhz, phủ lớp ái nước - Có loại chiều dài đầu tip $\leq 2.5\text{mm}$ - Kích thước catheter tối đa $\leq 5\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 cái/ hộp	Cái	300	
138	Dây dẫn đo phân suất dự trữ lưu lượng mạch vành FFR và loại không dùng thuốc giãn mạch IFR	- Dây dẫn áp lực đo dự trữ dòng chảy động mạch vành FFR, IFR - Đường kính 0.014" - Chiều dài $\leq 300\text{cm}$ - Phủ lớp ái nước	1 cái/ hộp	Cái	100	
139	Dây đo phân suất dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR	- Dây đo phân suất dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR phủ ái nước với đầu tip mềm - Chiều dài $\leq 300\text{cm}$	1 cái/ hộp	Cái	100	
140	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp lòng mạch (OCT)	- Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp lòng mạch (OCT) phủ lớp ái nước - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Đường kính ngoài đoạn xa $\leq 2.7\text{F}$ - Tương thích dây dẫn 0.014"	1 cái/ hộp	Cái	100	
141	Kẹp sinh thiết cơ tim	- Kẹp sinh thiết cơ tim qua đường ống thông - Chất liệu thép không gỉ, có loại phủ PTFE và không phủ PTFE - Hàm cơ học, có khóa. - Đường kính dụng cụ $\leq 2.4\text{mm}$ - Thể tích sinh thiết: 0.6 - 6.54 mm ³ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	Hộp/ cái	Cái	10	
142	Bộ dụng cụ khoan phá động mạch vành	- Mũi khoan hình elip, được phủ tinh thể kim cương, đường kính mũi khoan tối thiểu $\leq 1.25\text{mm}$, tối đa $\geq 2.50\text{mm}$ - Chiều dài tối đa $\leq 330\text{cm}$ tương thích dây dẫn 0.014". - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1 bộ/ hộp	Bộ	50	
143	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, chất liệu Nitinol	- Bộ dụng cụ thay van động mạch chủ qua da tự bung chất liệu Nitinol thành van phù hợp chất chống vôi hóa - Đường kính van tối thiểu $\leq 23\text{mm}$, tối đa $\geq 34\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1 Cái/ hộp	cái	5	
144	Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được bung ra bằng bóng	- Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được bung ra bằng bóng. - Chất liệu Cobalt Chromium; van ba lá làm bằng mô màng tim bò. - Kích cỡ tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 29\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	Hộp 1 Bộ	Bộ	10	
145	Bộ sửa van hai lá qua ống thông	- Bộ dụng cụ sửa van hai lá qua ống thông: - Dạng kẹp mép van - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	01 Bộ bao gồm Kẹp van hai lá (Mitra Clip) và Ống thông	Bộ	2	
146	Bộ dụng cụ keo đóng tĩnh mạch điều trị suy giãn, dị dạng tĩnh mạch, bao gồm:	- Súng bơm keo cung cấp keo 0.10ml mỗi lần bắn - Keo Cyanoacrylate: 5ml - Catheter 5Fr, chiều dài $\geq 90\text{cm}$, tương thích với dây dẫn 0.035". - Dây dẫn đầu J dài $\geq 180\text{cm}$.	1 lọ/ hộp	Lọ	10	

[illegible]